

Bản án: 381/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26/7/2024
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình - Ly hôn*”
”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:***
 - Ông Võ Minh Tuấn
 - Ông Hà Bửu Khánh
- ***Thư ký phiên Tòa :*** Bà Huỳnh Thị Phụng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng không tham gia phiên tòa.***

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 237/2024/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2024 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 238/2024/QĐXX - ST, ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Anh Danh C, sinh năm: 1972; địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2023 nguyên đơn anh Danh C trình bày: Anh và chị M trước khi lấy nhau không tìm hiểu trước mà do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1999, nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân luôn bất đồng về quan điểm và cách sống, chị M mê đánh bài tứ sắc, đã khuyên nhiều lần và cho nhau nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn

với chị M; Về con chung có 01 con chung tên Danh Thảo V– sinh ngày 24/5/2002, con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/7/2024 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị M trình bày: Về hôn nhân chị M xác định đúng như lời trình bày của anh C, trong thời gian chung sống chị và anh C không có tiếng nói chung, đã nhiều lần cho nhau cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả, mạnh ai người đó sống. Nay anh C xin ly hôn, chị cũng đồng ý; Về con chung: Có một con chung tên Danh Thảo V– sinh ngày 24/5/2002, con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Danh C yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn” giữa anh và chị M. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Anh C và chị M trước khi lấy nhau không tìm hiểu trước mà do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1999. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn với lý do tính tình không hợp, luôn bất đồng về quan điểm và cách sống, thường xuyên cự cãi nhau do chị M mê đánh bài tứ sắc, đã nhiều lần cho nhau cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử thấy rằng anh C, chị M cưới nhau vào năm 1999, kể từ đó cho đến ngày phát sinh tranh chấp thì anh - chị không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn mà sống chung với nhau như vợ chồng. Sau đó, sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay là không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, hôn nhân của anh C, chị M không được pháp luật thừa nhận. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Tuyên bố không công nhận anh Danh C, chị Nguyễn Thị M là vợ chồng.

{2.2} Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 người con chung tên Danh Thảo V, sinh ngày 24/5/2002, con đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh Danh C phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002795 ngày 13/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh C đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Danh C và chị Nguyễn Thị M là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh Danh C phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002795 ngày 13/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh C đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể ngày tuyên án (ngày 26/7/2024).

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND huyện
- Thi hành án huyện
- UBND xã, thị
- Các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên